TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày 17- 9 – 2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị T và ông Phạm Văn Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

***- Đại diện VKS nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thùy Trang.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại hội trụ sở Tòa án nhân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 65/2025/TLST - DS ngày 07/5/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã QP (xã SH cũ), tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Anh Hồ Việt H, sinh năm 1983, vắng mặt

Địa chỉ:Thôn HL, xã QL (xã QH cũ), tỉnh Nghệ An.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T:

1. Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1971, vắng mặt

2. Ông Ngô Đức Đ, sinh năm 1997, có mặt

3. Bà Phan Thị N, sinh năm 1990; vắng mặt. Đều thuộc văn phòng Luật sư TĐ và cộng sự - Đoàn luật sư Nghệ An.

Địa chỉ: Đường TTT, xóm 5, phường Thành V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980; có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã QP (xã SH cũ), tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đậu Xuân H, sinh năm 1978, có đơn xin xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 7, xã QP (xã SH cũ), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, người đại diện theo ủy quyền của bà T và người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà T và chị Nguyễn Thị Thanh T có quan hệ quen biết với nhau nên chị T có hỏi vay tiền bà T. Chị T nói cho chị vay tiền để đáo hạn ngân hàng Viettinbank và ngân hàng ACB, nếu bà T cho vay thì chị T sẽ trả lãi suất cho bà T. Do tin lời chị T nên từ ngày 21/7/2024 cho đến ngày 07/10/2024 bà T đã cho chị T vay với tổng số tiền là 7.700.000.000 đồng, bà T cho chị T vay tiền qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T là 102000595545 – Ngân hàng Viettinbank đến số tài khoản của chị T là 25050477 – ngân hàng TMCP ACB; nội dung chuyển khoản bà T chỉ ghi "Nguyễn Thị T chuyển T". Bà T chuyển khoản cho chị T nhiều lần, chị T vay rồi trả lại một phần, sau đó lại vay thêm.

Tuy nhiên từ sau ngày 07/10/2024 đến nay chị T không trả tiền cho bà T nữa. Bà đã đòi nhiều lần, thậm chí bà đã làm đơn tố cáo tại Công an nhưng chị T vẫn không trả cho bà T. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả lại cho bà số tiền gốc 7.700.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm, từ ngày 07/10/2024 tạm tính đến ngày 02 tháng 6 năm 2025 là 501.083.000 đồng; tại phiên toà bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả lại cho bà số tiền gốc 6.891.800.000 đồng (do trước đây tính sai) và lãi suất 10%/năm, từ ngày 06/3/2025 tạm tính đến ngày 17 tháng 9 năm 2025 là 368.192.055 đồng.

Ngoài ra, bà T còn yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ tại văn phòng đất đai huyện Quỳnh Lưu và cơ quan có thẩm quyền về đất đai về việc chủ sử dụng đất tại ngôi nhà chị T đang ở thuộc quyền sử dụng của ai; xác minh vợ chồng chị T anh Đậu Xuân H có đóng góp cổ phần vào Hợp tác xã vận tải Huy Hải không; yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng là anh Đậu Xuân H với tư cách là bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị T và bà T không có quan hệ gì, bà T là người chuyên cung cấp tiền cho dân đi đảo khế, tức là cho họ vay nóng để trả nợ ngân hàng. Chị T không vay tiền bà T nên không có giấy tờ vay mượn gì. Chị T cũng có làm đảo khế trong ngân hàng, có người hỏi cần tiền để đảo khế thì chị T có gặp bà T hỏi bà có tiền để làm

ăn vụ này không thì bà T nói có, cần bao nhiêu tiền cũng có. Nên bà T đã chuyển tiền cho chị T tiền thành nhiều lần, chị T không nhớ số tiền cụ thể và những lần chuyển khoản nhưng tổng số tiền bà T chuyển cho chị khoảng 7.700.000.000 đồng. Bà T chuyển tiền cho chị qua tài khoản ngân hàng TMCP ACB số tài khoản là 25050477, ngoài ra không có số tài khoản nào nữa. Chị T cũng chuyển lại cho bà T nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt, nhưng chị không có giấy tờ về việc trả tiền mặt, khi chuyển khoản cũng không ghi nội dung gì, số tiền mà chị T đã trả lại cho bà T chị cũng không nhớ. Chị T cho rằng việc chị nhận tiền của bà T là để hợp tác làm ăn. Nên đó không phải là tiền chị vay bà T, nay do làm ăn thua lỗ thì phải cùng nhau chịu, chị không nhất trí trả lại cho bà T số tiền gốc khỏng 7.700.000.000 đồng và tiền lãi như bà T yêu cầu. Việc chị và bà T có chuyển tiền qua lại với nhau để làm ăn, anh H chồng chị không biết, vì anh H và chị đã ly thân từ năm 2021 đến năm 2025 thì ly hôn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đậu Xuân H trình bày:

Anh và chị T trước đây là vợ chồng, nhưng đã mâu thuẫn từ năm 2018 và sống ly thân từ năm 2021, anh và chị T sống chung trong nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, không có quan hệ gì về tài chính, cũng không biết chị T hàng ngày làm công việc gì ngoài nuôi con và nội trợ. Nhiều lần định ly hôn nhưng do có con chung nên chưa giải quyết ly hôn. Đến đầu năm 2025 thì chị T có thay đổi tính nết nên vợ chồng đã ly hôn, Tòa án giao cho anh nuôi 03 con chung, thời gian đầu do nhớ con thì chị T có hay về nhà thăm con, nhưng gần đây chị T không về nhà, anh cũng không biết chị T đi đâu. Về việc chị T và bà T có làm ăn, vay mượn gì với nhau hay không thì anh không biết, anh cũng không biết bà Nguyễn Thị T là ai. Việc bà T yêu cầu anh trả nợ cùng với chị T thì anh không đồng ý, vì anh không liên quan gì đến chị T và bà T, anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc thuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả nợ số tiền 898.199.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền nợ gốc còn lại 6.891.800.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 06/3/2025 đến ngày xét xử 17/9/2025.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Đậu Xuân H cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ khoản vay 6.891.800.000 đồng và lãi suất. Án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí đối với phần lãi suất không được Tòa án chấp nhận nhưng bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí, nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T trả nợ, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã SH nay là xã QP, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T nhưng chị T vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đậu Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về tư cách tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa anh H vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Nguyên đơn có yêu cầu đưa anh Đậu Xuân H vào tham gia vụ án với tư cách là bị đơn. Bà T cho rằng chị T vay để đảo khế ngân hàng là liên quan đến việc chi tiêu, phát triển kinh tế của gia đình. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện bà T không ghi bị đơn anh Đậu Xuân H, căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải là người xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, cho thấy việc bà T chuyển tiền chỉ thông qua tài khoản ngân hàng của chị T mà không có tên của anh H. Hơn nữa anh H không biết giao dịch này giữa bà T và chị T, không có tài liệu nào chứng minh anh H cũng nhận tiền của bà T. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đưa anh Đậu Xuân H vào tham gia vụ án với tư cách là bị đơn và buộc anh Đậu Xuân H phải cùng với chị T thanh toán tiền nợ bà T.

Bà T yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ tại văn phòng đất đai huyện Quỳnh Lưu và cơ quan có thẩm quyền về đất đai về việc chủ sử dụng tại ngôi nhà

và đất chị T đang ở thuộc quyền sử dụng của ai; Xác minh vợ chồng chị T có đóng góp cổ phần vào Hợp tác xã vận tải Huy Hải không. Xét thấy, bà T yêu cầu chị T trả nợ là quan hệ giải quyết tranh chấp hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn có yêu cầu xác minh như trên thuộc quan hệ pháp luật khác, không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và bị đơn thì có việc bà T chuyển tiền cho chị T qua tài khoản ngân hàng TMCP ACB số tài khoản 25050477 mang tên Nguyễn Thị Thanh T, mà hai bên không làm hợp đồng vay tiền hoặc giấy tờ gì thể hiện chị T vay tiền của bà T. Chị T cho rằng đó là số tiền mà bà T chuyển cho chị để làm ăn đảo khế ngân hàng. Tuy nhiên, chị T thống nhất có nhận tiền của bà T nhiều lần, tổng cộng còn lại khoảng 7.700.000.000 đồng. Do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch dân sự. Chị T và bà T khi thỏa thuận thực hiện giao dịch với nhau đều đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự và tự nguyện, do đó giao dịch dân sự có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và 117 Bộ luật dân sự.

Bà T cho rằng chị T vay tiền bà T, nhưng chị T lại cho rằng chị và bà T làm ăn với nhau nên có chuyển tiền qua lại, nếu vay phải có giấy tờ về việc vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự cho thấy, mặc dù giữa hai bên không có giấy tờ vay tiền, nhưng đó là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bà T đã giao tiền cho chị T, chị T cũng đã chuyển trả qua lại cho bà T số tiền đã nhận. Nên Hội đồng xét xử xác định, giao dịch giữa bà T và chị T là hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ vào kết quả sao kê tại Ngân hàng, căn cứ vào lời khai của bà T, chị T cho thấy chị T hiện nay còn nợ bà T 6.891.800.000 đồng và tại phiên Toà bà T chỉ yêu cầu vợ chồng chị T anh H trả 6.891.800.000 đồng và xin rút một phần về yêu cầu chị T trả 898.199.000 đồng nên đình chỉ phần yêu cầu chị T trả 898.199.000 đồng.

Về thời hạn trả nợ, vì bà T và chị T giao dịch qua chuyển khoản ngân hàng, nên không ghi rõ thời hạn trả nợ, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn. Căn cứ vào Thông báo số 2163/TB-VPCQCSĐT ngày 06/3/2025 của Công an tỉnh Nghệ An thì cho thấy bà T đã yêu cầu chị T trả nợ từ tháng 03 năm 2025. Nên xác định bà T đã thông báo việc chị T phải trả nợ cho bà từ tháng 03 năm 2025 theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Do đó việc bà T yêu cầu chị T trả số tiền 6.891.800.000 đồng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là có căn cứ.

Về lãi suất, giao dịch vay mượn tiền giữa hai bên không được thể hiện bằng biên bản, không có căn cứ xác định được đây là khoản vay có lãi suất, có thời hạn. Quá trình lấy lời khai của bị đơn chị T và hoà giải tại Toà án chị T cũng không có

lời khai nào thừa nhận có lãi suất và có thời hạn vay. Bởi vậy, có căn cứ xác định đây là khoản vay không có thời hạn và không có lãi suất. Khoản 1 Điều 469 BLDS 2015 quy định: *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất kỳ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau biết trước một thời gian hợp lý"*. Trước khi khởi kiện ra Toà án, nguyên đơn cũng chưa có yêu cầu trả nợ nào đối với bị đơn. Tuy vậy, bà Nguyễn Thị T đã nạp đơn tố cáo chị Nguyễn Thị Thanh T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, và ngày 06/3/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An đã ra Thông báo số 2163/TB-VPCQCSĐT về việc không khởi tố vụ án hình sự. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn thống nhất lấy ngày 06/3/2025 là ngày đầu tiên bị đơn biết việc nguyên đơn đòi nợ, tại phiên toà nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu chị T trả tiền lãi suất 10% của số tiền 6.891.800.000 đồng với lãi suất 10% tính từ ngày 06/3/2025 đến ngày 17/9/2025 là có căn cứ.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền 6.891.800.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất 10% của số tiền 6.891.800.000 đồng tính từ ngày 06/3/2025 đến ngày 17/9/2025 (06 tháng 14 ngày) là 363.192.055 đồng; tổng cộng 7.255.705.879 đồng.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 115.256.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu phần án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận nhưng nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 116, 117, 280, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.891.800.000 đồng tiền gốc và 363.192.055 đồng tiền lãi suất; tổng cộng 7.255.705.879 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Đậu Xuân H cùng

liên đới chịu trách nhiệm trả nợ khoản vay 6.891.800.000 đồng và lãi suất.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 115.256.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà